

PHỤ LỤC SỐ 3
DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH GIÁO VIÊN CÓ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
VÀ ĐÓNG BẢO HIỂM XÃ HỘI TỪ NĂM 2015 TRỞ VỀ TRƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG NĂNG
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo					Thuộc đối tượng ưu tiên	Vị trí việc làm	Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm	
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ NVSP	Ngoại ngữ	Tin học				Điểm ưu tiên	Kết quả điểm thực hành		
I	Giáo viên Thể dục THCS																
1	028	Võ Bá Âu	Nam	20/6/1988	Kinh	Đại học	Giáo dục thể chất		Tiếng Anh B	A		Giáo viên THCS hạng III- Môn thể dục	Đạt	0,0	88,5	88,5	
2	029	Hoàng Ngọc Nam	Nam	20/09/1986	Kinh	Cao đẳng	Thể dục	Có	Tiếng Anh B	B		Giáo viên THCS hạng III- Môn thể dục	Đạt	0,0	89,5	89,5	
3	030	Lê Hồng Công	Nam	20/11/1987	Kinh	Đại học	Giáo dục thể chất	Có	Tiếng Anh B	B		Giáo viên THCS hạng III- Môn thể dục	Đạt	0,0	90,0	90,0	
II	Giáo viên Tiếng anh THCS																
1	031	Đàm Thị Huyền	Nữ	24/01/1990	Tày	Đại học	Sư phạm Anh		Tiếng Pháp B	A	DTTS	Giáo viên THCS hạng III- Môn Tiếng anh	Đạt	5,0	79,5	84,5	
2	032	Dương Công Hoàn	Nam	12/4/1987	Kinh	Đại học	Ngữ văn Anh	Có	Tiếng Pháp B	UDCNTT CB		Giáo viên THCS hạng III- Môn Tiếng anh	Đạt	0,0	78,5	78,5	
3	033	Phan Văn Thế	Nam	19/10/1981	Kinh	Đại học	Ngữ văn Anh	Có	Tiếng Pháp A	Trung cấp Công nghệ Tin học - Viễn thông		Giáo viên THCS hạng III- Môn Tiếng anh	Đạt	0,0	85,5	85,5	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo					Thuộc đối tượng ưu tiên	Vị trí việc làm	Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ NVSP	Ngoại ngữ	Tin học				Điểm ưu tiên	Kết quả điểm thực hành	
4	034	Trần Thị Dung	Nữ	04/10/1989	Kinh	Đại học	Ngôn ngữ anh	Có	Tiếng Pháp B	UDCNTT CB		Giáo viên THCS hạng III- Môn Tiếng anh	Đạt	0,0	79,5	79,5
5	035	Huỳnh Thị Ánh Thùy	Nữ	10/08/1992	Kinh	Cao đẳng	Sư phạm Tiếng Anh		Tiếng Pháp B	B		Giáo viên THCS hạng III- Môn Tiếng anh	Đạt	0,0	79,5	79,5
III	Giáo viên Vật lý THCS															
1	036	Mai Trần Thanh	Nam	03/10/1987	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý		Tiếng Anh B	B		Giáo viên THCS hạng III- Môn Vật lý	Đạt	0,0	86,0	86,0
2	037	Đỗ Thị Huệ	Nữ	10/10/1986	Kinh	Đại học	Sư phạm Vật lý		Tiếng Anh B	UDCNTT CB		Giáo viên THCS hạng III- Môn Vật lý	Đạt	0,0	85,0	85,0
IV	Giáo viên Mỹ thuật THCS															
1	038	Lương Thị Hồng	Nữ	12/02/1984	Kinh	Cao đẳng	Sư phạm Mỹ thuật		Tiếng Anh B	UDCNTT CB		Giáo viên THCS hạng III- Môn Mỹ thuật	Đạt	0,0	80,0	80,0
2	039	Tổng Thị Thanh Dung	Nữ	2/9/1989	Kinh	Đại học	Sư phạm Mỹ thuật		Tiếng Anh B	A	CBB	Giáo viên THCS hạng III- Môn Mỹ thuật	Đạt	5,0	86,5	91,5
3	040	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	Nữ	04/05/1983	Kinh	Đại học	Sư phạm Mỹ thuật		Tiếng Anh B	UDCNTT CB		Giáo viên THCS hạng III- Môn Mỹ thuật	Đạt	0,0	80,0	80,0
4	041	Phạm Duy Hải	Nam	18/01/1987	Kinh	Cao đẳng	Sư phạm Mỹ thuật		Tiếng Anh B	UDCNTT CB		Giáo viên THCS hạng III- Môn Mỹ thuật	Đạt	0,0	85,0	85,0
5	042	Đinh Thị Ánh	Nữ	12/08/1988	Kinh	Cao đẳng	Sư phạm Mỹ thuật		Tiếng Anh B	UDCNTT CB		Giáo viên THCS hạng III- Môn Mỹ thuật	Đạt	0,0	85,0	85,0
6	043	Nguyễn Song Hào	Nam	17/9/1988	Kinh	Cao đẳng	Sư phạm Mỹ thuật		Tiếng Anh B	UDCNTT CB		Giáo viên THCS hạng III- Môn Mỹ thuật	Đạt	0,0	82,8	82,8
7	044	Lê Thị Vân	Nữ	05/10/1989	Kinh	Cao đẳng	Sư phạm Mỹ thuật		Tiếng Anh B	B		Giáo viên THCS hạng III- Môn Mỹ thuật	Đạt	0,0	77,0	77,0

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo					Thuộc đối tượng ưu tiên	Vị trí việc làm	Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm	
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ NVSP	Ngoại ngữ	Tin học				Điểm ưu tiên	Kết quả điểm thực hành		
V	Giáo viên Âm nhạc THCS																
1	045	Đỗ Ánh Dương	Nam	10/12/1990	Kinh	Đại học	Sư phạm Âm nhạc		Tiếng Anh B	UDCNTT CB		Giáo viên THCS hạng III- Môn Âm nhạc	Đạt	0,0	80,0	80,0	
2	046	Quách Thị Kim Duyên	Nữ	29/11/1988	Kinh	Cao đẳng	Sư phạm Âm nhạc		Tiếng Anh B	UDCNTT CB		Giáo viên THCS hạng III- Môn Âm nhạc	Đạt	0,0	80,0	80,0	
VI	Giáo viên Tin học THCS																
1	047	Nguyễn Xuân Bình Tĩnh	Nam	04/8/1993	Kinh	Đại học	Sư phạm Tin học	Có	Tiếng Anh B	Đại học		Giáo viên THCS hạng III- Môn Tin học	Đạt	0,0	94,5	94,5	
2	048	Chu Văn Giáp	Nam	24/04/1989	Kinh	Cao đẳng	Công nghệ thông tin	Có	Tiếng Anh B	Cao đẳng		Giáo viên THCS hạng III- Môn Tin học	Đạt	0	87,0	87,0	
3	049	Nguyễn Thị Xuân Hòa	Nữ	07/11/1988	Kinh	Đại học	Công nghệ thông tin	Có	Tiếng Anh B	Đại học		Giáo viên THCS hạng III- Môn Tin học	Đạt	0	65,5	65,5	
4	050	Bùi Hữu Đông	Nam	14/12/1990	Kinh	Đại học	Công nghệ thông tin	Có	Tiếng Anh B	Đại học		Giáo viên THCS hạng III- Môn Tin học	Đạt	0	67,5	67,5	
5	051	Hoàng Thị Thiết	Nữ	09/06/1990	Nùng	Cao đẳng	Tin học	Có	Tiếng Anh B	Cao đẳng	DTTS	Giáo viên THCS hạng III- Môn Tin học	Đạt	5	75,5	80,5	
6	052	Nguyễn Thị Phương Năm	Nữ	31/12/1984	Kinh	Đại học	Công nghệ thông tin	Có	Tiếng Anh B	Đại học		Giáo viên THCS hạng III- Môn Tin học	Đạt	0	60,5	60,5	
7	053	Nguyễn Hữu Luân	Nam	06/01/1988	Kinh	Cao đẳng	Tin học ứng dụng	Có	Tiếng Anh B	Cao đẳng		Giáo viên THCS hạng III- Môn Tin học	Đạt	0	84,0	84,0	
VII	Giáo viên Toán học THCS																
1	054	Nguyễn Hữu Luân	Nữ	02/12/1990	Kinh	Cao đẳng	Sư phạm Toán - Tin		Tiếng Anh A2	Cao đẳng Toán - Tin		Giáo viên THCS hạng III- Môn Toán học	Đạt	0	81,5	81,5	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo					Thuộc đối tượng ưu tiên	Vị trí việc làm	Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ NVSP	Ngoại ngữ	Tin học				Điểm ưu tiên	Kết quả điểm thực hành	
2	055	Đào Ngọc Tăng	Nam	17/06/1990	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán		Tiếng Anh B	UDCNTT CB	CBB	Giáo viên THCS hạng III- Môn Toán học	Đạt	5	76,0	81,0
3	056	Phạm Trường Quyết	Nam	10/10/1988	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán		Tiếng Anh B	UDCNTT CB		Giáo viên THCS hạng III- Môn Toán học	Đạt	0	85,0	85,0
4	057	Ma Văn Chinh	Nam	10/11/1985	Tày	Đại học	Sư phạm Toán		Tiếng Anh B	UDCNTT CB	DTTS	Giáo viên THCS hạng III- Môn Toán học	Đạt	5	81,0	86,0
5	058	Mai Đình Phương	Nam	9/01/1983	Kinh	Đại học	Sư phạm Toán		Tiếng Anh B	B		Giáo viên THCS hạng III- Môn Toán học	Đạt	0	76,0	76,0
VIII Giáo viên Ngữ văn THCS																
1	059	Nguyễn Thị Tới	Nữ	10/11/1987	Kinh	Cao đẳng	Sư phạm Ngữ văn- Kinh tế gia đình		Tiếng Anh B	UDCNTT CB		Giáo viên THCS hạng III- Môn Ngữ văn	Đạt	0	85,0	85,0
2	060	Nguyễn Thị Hồng Nhân	Nữ	12/09/1986	Kinh	Đại học	Ngữ văn	Có	Tiếng Anh A	A		Giáo viên THCS hạng III- Môn Ngữ văn	Đạt	0	66,0	66,0
3	061	Hà Thị Trang	Nữ	12/06/1986	Thái	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn		Tiếng Anh B	UDCNTT CB	DTTS	Giáo viên THCS hạng III- Môn Ngữ văn	Đạt	5	59,0	64,0
4	062	Trần Thị Thu	Nữ	07/08/1990	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Tiếng Anh B	B		Giáo viên THCS hạng III- Môn Ngữ văn	Đạt	0	80,0	80,0
5	063	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	09/07/1988	Kinh	Đại học	Ngữ văn	Có	Tiếng Anh B	UDCNTT CB		Giáo viên THCS hạng III- Môn Ngữ văn	Đạt	0	80,0	80,0
IX Giáo viên Hoá học THCS																
1	064	Trịnh Quyết Thắng	Nam	25/06/1991	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học		Tiếng Anh B	UDCNTT CB		Giáo viên THCS hạng III- Môn Hóa học	Đạt	0	83,5	83,5

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo					Thuộc đối tượng ưu tiên	Vị trí việc làm	Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ NVSP	Ngoại ngữ	Tin học				Điểm ưu tiên	Kết quả điểm thực hành	
2	065	H Rôya Bkrông	Nữ	01/12/1988	Ê Đê	Đại học	Sư phạm Hóa học		Tiếng Anh B	UDCNTT CB	DTTS	Giáo viên THCS hạng III- Môn Hóa học	Đạt	5	61,5	66,5
3	066	Nguyễn Thị Thương Thươn	Nữ	04/8/1989	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học		Tiếng Anh B	A		Giáo viên THCS hạng III- Môn Hóa học	Đạt	0	79,0	79,0
4	067	Trương Ngọc Quý	Nam	6/12/1986	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học		Tiếng Anh B	UDCNTT CB		Giáo viên THCS hạng III- Môn Hóa học	Đạt	0	80,0	80,0
X	Giáo viên Công nghệ THCS															
1	068	Hoàng Thị Lợi	Nữ	20/02/1991	Kinh	Cao đẳng	Sư phạm Công nghệ		Tiếng Anh B	B	CTB	Giáo viên THCS hạng III- Môn Công nghệ	Đạt	5	94,0	99,0
2	069	Nguyễn Thị Sương	Nữ	23/03/1986	Kinh	Cao đẳng	Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp-kinh tế gia đình		Tiếng Anh B	UDCNTT CB		Giáo viên THCS hạng III- Môn Công nghệ	Đạt	0	94,5	94,5
XI	Giáo viên Địa lý THCS															
1	070	Đinh Thị Thanh Thúy	Nữ	29/10/1988	Kinh	Đại học	Sư phạm Địa lý		Tiếng Anh B	B	CTB	Giáo viên THCS hạng III- Môn Địa lý	Đạt	5	85,5	90,5
XII	Giáo viên Lịch sử THCS															
1	071	Trần Quang Anh	Nam	12/10/1981	Kinh	Đại học	Lịch sử	Có	Tiếng Anh B	UDCNTT CB		Giáo viên THCS hạng III- Môn Lịch sử	Đạt	0	87,0	87,0
TỔNG CỘNG 44 THÍ SINH																